

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/11/2019.
V/v “Ly hôn”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Ông Lương Minh Suốt.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án N dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án N dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/8/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thúy D, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09/8/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị Thúy D trình bày: Bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/02/2018. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã, hôn N không hạnh phúc. Đến khoảng tháng 9 năm 2018 đến nay bà D và ông H không còn quan tâm lẫn nhau. Bà D xác định hôn N không còn hạnh phúc, bà và ông H không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H có một người con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/4/2000, đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Văn H không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của luật hôn N và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Thúy D; Về con chung: tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/4/2000, đã đủ tuổi trưởng thành không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông H vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H là loại kiện hôn N và gia đình về việc ly hôn. Bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 1998. Đến ngày 28/02/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Gia Hòa 1. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H là hôn N hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông H về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 223/TB-TLVA ngày 19/8/2019, thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

giữa bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H, nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, vì kể từ khoảng tháng 9 năm 2018 đến nay bà D và ông H không tình cảm, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà D và ông H không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn N sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Thúy D.

[2] Về con chung: Bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H có một người con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/4/2000, đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Vấn đề Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của luật hôn N và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn N: Bà Trương Thị Thúy D được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà Trương Thị Thúy D và ông Nguyễn Văn H có một người con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/4/2000, đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Trương Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009065 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà D đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban N dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Hòa 1
(Giấy CNKH số 22, ngày 28/02/2018)
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ